

BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH BỔ SUNG CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ NĂM 2025
ĐƯỢC XÉT CỘNG ĐIỂM**

*(Kèm theo Thông báo số 3209/ĐHYD-ĐTĐH ngày 05/8/2025
của Hội đồng tuyển sinh Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh)*

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
1	02052231	HỒ HOÀNG MINH AN	17/07/2007	6.5	
2	53009399	NGÔ TRẦN GIA AN	06/09/2007	6.5	
3	01064432	NGUYỄN KHÁNH AN	17/06/2007	8	1490
4	02063638	NGUYỄN THÚY AN	30/03/2007	6	
5	52000520	VŨ HỒNG AN	17/12/2007	7	
6	02091768	ĐỖ THỌ AN	21/07/2007	6	
7	02097316	ĐÀO NGỌC BÌNH AN	21/08/2006	7	
8	02058509	LƯƠNG CÔNG TRỌNG ÂN	22/04/2007	6.5	
9	42013288	ĐỖ NGỌC THIÊN ÂN	11/09/2007	6	
10	08005211	PHẠM TRÂM ANH	18/03/2007	6.5	
11	02000698	VŨ NGUYỄN HỒNG ANH	12/11/2007	6.5	
12	02000010	BÙI ĐOÀN MINH ANH	19/09/2006	6.5	
13	02011432	NGUYỄN NGÔ KIM ANH	15/07/2007	6.5	
14	02046070	HOÀNG PHÚC QUỲNH ANH	17/07/2007	6	
15	01048666	NGUYỄN ĐỨC ANH	18/02/2007	6	
16	01027508	NGUYỄN HỒNG ANH	27/09/2007	6.5	
17	42000902	NGUYỄN NGỌC MINH ANH	05/04/2007	6	
18	02093465	NGUYỄN HOÀNG HỒNG ANH	19/06/2007	6.5	
19	02020704	NGUYỄN NAM ANH	04/01/2007	6.5	
20	02016750	BÙI QUỲNH ANH	09/09/2007	6.5	
21	02016766	TRẦN QUỲNH ANH	01/12/2007	6.5	
22	02002629	LÊ NGUYỄN TRÂM ANH	19/12/2007	8	1520
23	02000665	NGUYỄN MINH NHẬT ANH	14/08/2007	6	
24	52004664	LÊ HOÀNG BÁCH	26/10/2007	6	
25	02019647	NGUYỄN QUỐC GIA BẢO	12/11/2007	6.5	
26	01027585	TRẦN VŨ BẢO	20/01/2007	8.5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
27	46007770	TRẦN GIA BẢO	22/03/2007	6.5	
28	02005500	LÊ MINH BẢO	05/04/2007	7.5	
29	02060844	VŨ GIA BẢO	13/03/2007	7	
30	02005505	PHẠM VŨ NGUYỄN BẢO	06/09/2007	7.5	1340
31	02032225	ĐẶNG TRẦN BIN	06/10/2007	7	
32		PHẠM THỊ THANH BÌNH	30/01/2006	6	
33	63004709	NGUYỄN BẢO CHÂU	24/11/2007	6.5	
34	41008782	DƯƠNG MINH CHÂU	30/08/2007	6.5	
35	01027594	LÊ NGỌC UYÊN CHÂU	29/05/2007	6.5	
36	02005512	ĐINH DẠ MINH CHÂU	05/12/2007	7	
37	01027604	NGUYỄN CHU CHLOE HUỆ CHI	01/11/2007	7	
38	02043796	NGUYỄN ĐÌNH LIÊN CHI	18/12/2007	8	
39	02016797	NGUYỄN HUỲNH QUẾ CHI	05/03/2007	6	
40	37000049	NGUYỄN ĐỨC CHÍNH	20/03/2007	7	
41	46008328	NGUYỄN CÔNG DANH	07/03/2007	6	
42	02020803	TRẦN TRÍ ĐẠT	06/02/2007	6.5	
43	02057920	TRẦN HỮU ĐỒNG	21/08/2007	6	
44	02052508	VŨ NGUYỄN THUỶ DUNG	14/06/2007	6	
45	02055518	NGÔ VŨ MAI DUNG	24/04/2007	6	
46	02013227	HÀ TRÍ DŨNG	29/10/2007	6.5	
47	02096599	ĐỖ VIỆT DŨNG	07/11/2007	6.5	
48	02046806	VŨ CHÍ DŨNG	19/08/2007	6.5	
49	01011646	HOÀNG MẠNH DŨNG	04/03/2007	6	
50	02048445	NGUYỄN NGỌC DUY	17/06/2007	6	
51	19000141	NGÔ THẾ DUY	08/08/2007	7.5	
52	37006660	BÙI VÕ ANH DUY	26/11/2007	6	
53	02012572	NGUYỄN NGÔ DUY	18/10/2007	6.5	
54	02055543	ĐẶNG CHU QUỲNH GIANG	17/10/2007	6.5	
55	54012575	TRẦN NGUYỄN QUỲNH GIAO	17/12/2006	6	
56	02005556	LÊ NGUYỄN KHÁNH GIAO	14/10/2007	6	
57	02081649	VÕ ĐẶNG QUỲNH GIAO	06/02/2007	6.5	
58	02055550	NGUYỄN THANH HÀ	08/11/2007	6.5	
59	02045098	NGUYỄN NGỌC BẢO HÂN	13/04/2007	6	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
60	37001480	NGUYỄN GIA HÂN	17/09/2007	6.5	
61	02020825	NGUYỄN VÕ GIA HÂN	28/04/2007	7.5	
62	01066207	VŨ THÚY HẰNG	18/07/2007	6	
63	02081008	HUỖNH THỊ HIỆU HẠNH	30/01/2007	7	
64	02002746	VÕ THỊ MINH HẠNH	23/02/2007	7	
65	04010529	TRẦN KHÁNH HIỀN	24/02/2007	7	
66	52000139	PHẠM THỊ THU HIỀN	13/02/2007	6.5	
67	02005581	ĐỖ NGỌC THANH HIỀN	22/09/2007	6	
68	57001300	NGUYỄN THẾ HIỀN	13/07/2007	6.5	
69	02002771	HUỖNH NGỌC HIỆP	12/07/2007	6.5	
70	02041333	NGUYỄN TRỌNG HIỆU	13/07/2007	6	
71	39000128	NGUYỄN THỊ GIA HỘI	05/06/2007	6	
72	02005611	ĐÀO MẠNH GIA HÙNG	06/03/2007	6	
73	46008498	PHAN GIA HÙNG	19/12/2007	7	
74	04010556	VŨ PHAN BẢO HUY	10/07/2007	6	
75	02010421	PHAN NGUYỄN ĐỨC HUY	02/04/2007	6	
76	35003600	NGUYỄN TẤN HOÀNG HUY	15/11/2007	7.5	
77	41005095	BÙI TRẦN QUANG HUY	06/06/2007	7	
78	02058006	NGÔ THẾ KHẢI	12/12/2007	6	
79	48012272	HUỖNH HỮU KHANG	13/04/2007	6.5	
80	02010436	BÙI VĨNH KHANG	13/11/2007	6.5	
81	02081072	NGUYỄN PHÚC AN KHANG	27/08/2007	6	
82	02055629	LƯU THANH KHANG	12/09/2007	7	
83	02016380	NGUYỄN NGỌC TUẤN KHANG	08/07/2007	7.5	
84	43000256	TRẦN TUẤN KHANG	28/07/2007	6.5	
85	02064389	VÕ NGỌC PHƯƠNG KHANH	06/12/2007	6	
86	48012794	NGUYỄN TRẦN XUÂN KHÁNH	09/08/2007	7.5	
87	04013389	TRƯƠNG BẢO KHÁNH	17/11/2007	7	
88	02015645	NGUYỄN MINH KHÁNH	19/01/2007	6	
89	52004152	THÁI ĐĂNG KHOA	27/12/2007	6.5	
90	48013178	NGUYỄN TUẤN KHOA	13/05/2007	6	
91	02005646	LÊ ANH KHOA	19/03/2007	6	
92	39009172	VÕ PHAN ANH KHOA	25/08/2007	7.5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
93	02071196	NGUYỄN HOÀNG ĐĂNG KHOA	28/10/2007	6	
94	02012735	VÕ ANH KHOA	05/06/2007	7	
95	28002311	LÊ AN KHÔI	22/12/2007	7	
96	33001162	TÔN NỮ MINH KHUÊ	10/07/2007	6	
97	02081097	NGUYỄN HÒA TÂM KHUÊ	05/03/2007	6	
98	02060371	CÙ GIA KHUYÊN	04/01/2007	7	
99	52000880	NGÔ ĐỨC KIÊN	26/09/2007	7.5	
100	43002222	NGUYỄN TRUNG KIÊN	01/08/2007	7.5	
101	02096129	TẠ TUẤN KIẾT	19/06/2007	6.5	
102	02048629	LƯU TRÍ LÂM	06/01/2007	6.5	
103	02010923	TRƯƠNG PHÚC LÂM	28/03/2007	7	
104	40018052	LIÊN NGỌC LÂM	17/09/2007	6.5	
105	02010500	DƯƠNG HỒNG LIÊN	02/09/2007	6	
106	01041484	TRỊNH NGỌC HÀ LINH	22/09/2007	6	
107	02046288	TRỊNH NGỌC KHÁNH LINH	11/11/2007	7	
108	01019502	NGUYỄN DIỆU LINH	05/11/2007	8	1500
109	02016961	TRẦN THẢO LINH	11/06/2007	6	
110	40022316	PHẠM NHƯ HÀ LINH	06/05/2005	8	
111	44001332	MA THỤY PHƯƠNG LINH	29/04/2007	7	
112	52008891	MAI KIỀU LOAN	08/09/2007	6	
113	02081133	HỠ GIA LONG	04/09/2007	6.5	
114	02046303	ĐẶNG VÕ DI LUÂN	17/12/2007	6.5	
115	02000916	HỒ NGUYỄN THANH MAI	12/07/2007	6	
116	52000253	TRẦN MINH MẠNH	04/10/2007	6.5	
117	45000232	ĐÀNG GIA MINH	06/01/2007	6	
118	04010625	NGUYỄN VĂN NHẬT MINH	14/10/2007	7	
119	02051148	NGUYỄN BÙI BÌNH MINH	04/05/2007	6	
120	02000927	LÊ DUY MINH	22/04/2007	8	
121	02079820	TRẦN LÊ NGỌC MINH	04/11/2007	6	
122	02006174	QUÁCH ĐỨC MINH	07/03/2007	8	
123	52001002	TRẦN NGỌC THẢO MINH	23/10/2007	6	
124	30011430	LÊ VŨ HOÀNG MINH	20/10/2007	6.5	
125	23000379	ĐẶNG TRẦN THẢO MY	03/10/2007	6.5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
126	37004685	NGUYỄN LÊ NHẬT MY	29/08/2007	6	
127	02046338	NGUYỄN HÀ MY	07/10/2007	7.5	
128	33000417	TRƯƠNG VŨ HÀ MY	13/05/2007	7	
129	02006181	NGUYỄN NGỌC TRÀ MY	04/12/2007	6	
130	01020543	VŨ ANH MỸ	12/02/2007	7	
131	42009861	NGUYỄN PHẠM TRUNG NAM	18/04/2007	7	
132	39009576	TRẦN VIỆT NGÂN	09/10/2007	7	
133	02036230	CHÂU MỸ NGÂN	13/11/2007	7	
134	02010973	NGÔ MẶN NGHI	12/01/2007	6	
135	46010716	BÙI QUÝ XUÂN NGHI	27/02/2007	7.5	
136	02000954	ĐOÀN CHÁNH CHIÊU NGHI	23/07/2007	6.5	
137	02005712	PHẠM PHƯƠNG NGHI	19/10/2007	6.5	
138	02005229	PHẠM BẢO NGHI	20/08/2007	6	
139	15000398	ĐÀO VIỆT NGHĨA	07/12/2007	7	
140	02005716	DƯƠNG PHÚC GIA NGỌC	26/12/2007	6	
141	31007339	NGUYỄN LÊ MINH NGỌC	09/03/2007	6.5	
142	53008334	HUỲNH THỊ NHƯ NGỌC	21/07/2007	6	
143	42001409	VŨ THỊ NHƯ NGỌC	26/04/2007	6	
144	02011013	NGUYỄN THANH THẢO NGUYÊN	21/07/2007	6.5	
145	02011003	HUỲNH KHÔI NGUYÊN	18/08/2007	7	
146	33000468	NGUYỄN HỮU GIA NGUYÊN	18/06/2007	7.5	
147	56010677	PHẠM KHÔI NGUYÊN	15/12/2007	7	
148	01027791	UÔNG KHÔI NGUYÊN	14/07/2007	6	
149	02021010	BÙI THẢO NGUYÊN	17/09/2007	6	
150	02005739	VŨ NGỌC THU NGUYỆT	21/09/2007	6	
151	35003827	ĐINH TRỌNG NHÂN	15/05/2007	6.5	
152	02064456	LÊ THANH NHÂN	09/04/2007	6	
153	42001454	TRẦN MINH NHẬT	24/11/2007	7.5	
154	02092126	ĐINH PHẠM QUỐC NHẬT	18/02/2007	6	
155	02005746	CHU TRẦN THẢO NHI	23/07/2007	6.5	
156	29016434	BÙI NGUYỄN Ý NHI	03/12/2007	6	
157	44001452	BÙI HUỲNH NGỌC NHI	09/02/2007	6	
158	02011838	ĐẶNG THỊ YẾN NHƯ	09/10/2007	7	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
159	04013521	NGUYỄN VŨ LAN NHƯ	27/01/2007	6.5	
160	02055223	LÊ NGỌC THANH NHƯ	16/10/2007	6	
161	02005760	ĐOÀN NGUYỄN BẢO NHƯ	03/12/2007	7.5	
162	02097004	NGUYỄN PHI NHUNG	08/10/2007	6	
163	56008837	TRẦN CÔNG NƯỞNG	24/02/2007	7.5	
164	35003881	TRẦN KỶ PHÁP	20/01/2007	6.5	
165	02057706	VÕ PHI PHI	07/02/2007	6	
166	02050119	LƯU HẢI PHONG	19/09/2007	6.5	
167	02021069	NGUYỄN TẤN PHONG	21/09/2007	8	
168	02005286	NGUYỄN HOÀNG THIÊN PHONG	09/11/2007	6.5	
169	01024102	NGUYỄN NGỌC MINH PHÚ	02/05/2007	7	
170	02057720	ĐẶNG NGUYỄN PHÚC	13/11/2007	6	
171	47008037	LÊ HỒ HIỆU PHÚC	23/01/2007	6.5	
172	02001000	ĐOÀN GIA PHÚC	11/04/2007	6	
173	02063987	NGUYỄN GIA PHÚC	06/12/2007	7	
174	48023858	BÙI MINH PHỤNG	15/11/2007	6	
175	02058258	NGUYỄN HUỲNH HỒNG QUÂN	22/02/2007	6.5	
176	01066551	NGHIÊM ANH QUÂN	10/07/2007	6.5	
177	35005305	LÊ BẢO MINH QUÂN	20/10/2007	7	
178	02011115	ĐỖ ĐĂNG QUANG	03/04/2007	7	
179	02011908	HUỲNH NHẬT QUANG	18/03/2007	8	
180	56010748	NGUYỄN TÍN QUANG	24/11/2007	6	
181	02010630	ĐINH QUẢNG	13/11/2007	7.5	
182	02061229	VŨ TRẦN ĐÌNH QUÝ	07/03/2007	6	
183	02006284	NGUYỄN BẢO QUYÊN	09/03/2007	7.5	
184	02006286	NGUYỄN TRẦN TỔ QUYÊN	25/10/2007	7.5	
185	63008472	NGUYỄN THỊ XUÂN QUỲNH	16/06/2006	7	
186	02000417	NGUYỄN KHÁNH QUỲNH	05/05/2007	7.5	
187	02003019	NGUYỄN THỊ XUÂN MAI SAKINA	23/07/2007	6	
188	39009670	TRƯƠNG TẤN SANG	14/02/2007	6	
189	02092205	VŨ ĐỨC LINH SANG	15/05/2007	7	
190	02002051	LÂM KỶ SƠN	04/12/2007	7	
191	02058291	TRẦN MINH TÂM	08/10/2007	6.5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
192	04010751	NGUYỄN MINH THÁI	20/03/2007	6	
193	02044666	NGUYỄN NHẬT THẮNG	07/11/2007	7.5	
194	02011186	TRẦN QUANG THẮNG	13/02/2007	6	
195	33000716	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC THẮNG	04/01/2007	6.5	
196	48027054	NGUYỄN KIM THANH	08/12/2007	6	
197	52001209	TÔ HẢI THANH	04/03/2007	6.5	
198	04010755	ĐÌNH CÔNG THÀNH	11/08/2007	7	
199	04013194	NGUYỄN TRỌNG THÀNH	29/07/2007	6	
200	04010764	VÕ NGỌC PHƯƠNG THẢO	19/11/2007	6.5	
201	19007456	BÙI MINH THẢO	05/11/2007	6.5	
202	01019105	LÊ MINH THẢO	17/07/2007	7.5	1520
203	02006307	NGUYỄN LƯU THẠCH THẢO	24/06/2007	7	
204	02051362	NGUYỄN HUỲNH HẠO THIÊN	09/03/2007	6.5	
205	48028500	LÊ VĂN QUỐC THỊNH	12/12/2007	6.5	
206	02092260	TRẦN HÙNG THỊNH	13/07/2007	6	
207	44004951	DƯƠNG NGUYỄN MINH THÔNG	18/01/2007	6	
208	41009776	NGUYỄN NGÔ MINH THƯ	01/12/2007	6	
209	02011217	HÀ MINH THƯ	10/07/2007	8	1480
210	52005065	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	27/11/2007	6	
211	04007332	NGUYỄN HOÀNG ANH THƯ	24/11/2007	7	
212	02047221	CAO LÊ MINH THƯ	08/04/2007	6.5	
213	02006328	THIỆU NGUYỄN ANH THƯ	18/02/2007	6	
214	02021221	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ	01/11/2007	6	
215	30005136	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	18/07/2007	6.5	
216	02003066	TRỊNH MINH THƯ	09/04/2007	6	
217	52000443	PHẠM THỊ MINH THƯ	16/03/2007	6	
218	02006323	HUỲNH NGUYỄN MINH THƯ	24/05/2007	6.5	
219	50017692	NGUYỄN XUÂN THÙY	24/09/2006	6	
220	02048303	LÝ NGỌC ANH THY	03/01/2007	6	
221	02016673	LẠI PHẠM MINH THY	07/11/2007	6	
222	02044737	LÊ THỊ MỸ TIÊN	20/12/2007	6	
223	40020920	PHẠM HOÀNG KHÁNH TIÊN	09/01/2007	7	
224	04010793	LÊ VĂN TIÊN	11/10/2007	6	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
225	02044750	PHAN NGỌC ANH TIẾN	26/03/2007	6.5	
226	44003331	NGUYỄN MINH TIẾN	09/08/2007	6	
227	02003080	LÊ MINH TOÀN	24/09/2007	6	
228	02011255	HUỖNH VŨ ĐÔNG TRÀ	09/04/2007	6.5	
229	49002948	TRẦN PHẠM MỸ TRÂM	02/01/2007	6	
230	02006341	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM	05/07/2007	6	
231	02044769	NGUYỄN BẢO TRÂM	17/12/2007	7	
232	02016027	NGUYỄN HUỖNH BẢO TRÂM	20/04/2007	6	
233	39009350	ĐINH TÚ TRÂN	09/12/2007	6	
234	02021283	NGUYỄN THANH BẢO TRÂN	09/12/2007	7	
235	02013653	VŨ DIỆP BẢO TRÂN	02/02/2007	6	
236	48031611	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG TRANG	02/01/2007	7.5	
237	41007095	ĐỖ TRẦN PHƯƠNG TRANG	12/09/2007	6	
238	46002539	HỒ THẢO TRANG	29/11/2007	6.5	
239	02006816	PHẠM NGUYỄN TRÍ	09/08/2007	6	
240	02055364	LÊ MINH TRÍ	26/02/2007	7.5	
241	02003102	TRẦN THÁI MINH TRIẾT	16/10/2007	8.5	
242	57000667	NGUYỄN PHÚ TRỌNG	26/02/2007	7	
243	29004494	NGUYỄN BÁ TRUNG	26/01/2007	6	
244	48033486	LÊ QUANG TRƯỜNG	15/07/2007	6.5	
245	02011321	HUỖNH PHÚC QUANG TUẤN	20/04/2007	7	
246	02055382	HUỖNH LÊ ANH TUẤN	07/11/2007	7.5	
247	41009353	LÊ LƯƠNG NHÃ TUỆ	08/11/2007	6.5	
248	01006497	VŨ NGỌC TUỆ	19/06/2007	7	
249	44001737	ĐINH THỊ CÁT TƯỜNG	16/09/2007	6.5	
250	33000848	TRƯƠNG THỊ KIM TUYỀN	10/08/2007	6	
251	02016079	NGUYỄN THANH TUYỀN	30/10/2007	6.5	
252	02064176	CAO HỒNG UY	03/07/2007	6	
253	40018441	LÊ HỮU DIỆU UYÊN	22/01/2007	7	
254	41009367	TRẦN KIM VÂN	05/02/2007	6	
255	02010748	VŨ TƯỜNG VÂN	05/07/2007	7	
256	02040585	TRẦN THỤY TUYẾT VÂN	18/08/2006	6	
257	52001378	NGUYỄN THỊ THỦY VÂN	12/07/2007	6	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm SAT
258	04010856	TRƯƠNG HẠ VI	25/06/2007	6.5	
259	01015837	DƯƠNG ĐỨC VINH	01/11/2007	6.5	
260	02046618	TỔNG ĐỨC VINH	15/08/2007	7	1390
261	02011350	GIAN BẢO VY	09/09/2007	7.5	
262	52007317	VŨ ĐỨC VY	23/02/2007	6	
263	42002531	NGUYỄN NGỌC QUỲNH VY	01/10/2007	6	
264	02081536	NGUYỄN SONG BÌNH YÊN	13/04/2007	8	